

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Tấn phát;
- Bà Nguyễn Thị Bảo Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu P - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST– HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu P1, sinh năm: 1979;

Đ chi: Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn: Chị Đoàn Thu T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: số E Lộ C, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu P1 trình bày: Anh và chị Đoàn Thu T tự nguyện chung sống vào năm 2001, có tìm hiểu trước khoảng 02 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 29-11-2002 tại UBND phường H, thành phố T. Sau khi cưới anh và chị T sống cùng gia đình anh tại số A, đường H, khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh đến khoảng năm 2005 thì vợ chồng dọn về sống cùng gia đình chị T ngụ tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh sống đến năm 2014 thì vợ chồng dọn về sống tại phần đất (do cha mẹ anh đứng tên) ngụ tại số E, Lộ Chánh Môn A, khu phố C, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng do thương con còn nhỏ, nên cố chịu đựng, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày 01 trầm trọng, thường xuyên gây gổ và cãi vã dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, nên vào tháng 7-2023 anh dọn đồ về sống cùng cha mẹ ruột ngụ tại số A, khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình sống ly thân không ai có thiện chí đoàn tụ. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 người con tên Nguyễn Đoàn Anh T1, sinh ngày 05-8-2002, hiện con chung đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị T tại biên bản lấy lời khai trình bày:** Thống nhất với anh P1 về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn, lúc mới kết hôn anh chị sống chung với nhà anh P1 tại thị xã H, đến năm 2005, chị và anh P1 dọn về nhà phần đất của chị tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, đến năm 2014 dọn về đất nhà của cha mẹ anh P1 tại khu phố C, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Hai vợ chồng chung sống đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, do anh P1 kiếm chuyện gây gổ, đánh đuổi mẹ con chị sau đó anh P1 dọn ra ở riêng ngày 27/12/2023 đến nay. Nay chị không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P1 đối với chị T.

Con chung: Chị Nguyễn Đoàn Anh Thư S ngày 05/8/2002 đã thành niên, không đặt ra giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Anh P1 chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu P1 và chị Đoàn Thu T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P1, chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2001, anh P1, chị T sống chung với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2002 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh P1 trình bày quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ và cãi vã dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, nên vào tháng 7-2023 anh dọn đồ về sống cùng cha mẹ ruột. Chị T xác định **chị và anh P1 mâu thuẫn trầm trọng, anh P1 đã dọn ra ở riêng**, không có thiện chí hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh **P1 và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng**, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được đoàn tụ của chị T là không có căn cứ chấp nhận. Yêu cầu ly hôn của anh P1 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Đoàn Anh T1, sinh ngày 05-8-2002, hiện đã thành niên, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh P1, chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Anh P1, chị T mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh P1 được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh P1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003497 ngày 21-10-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Anh P1 được nhận lại 150.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 146, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hữu P1 đối với chị Đoàn Thu T.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Đoàn Anh T1, sinh ngày 05-8-2002, hiện đã thành niên, không đặt ra xem xét.

2. 3. Về tài sản chung, nợ chung: anh Nguyễn Hữu P1, chị Đoàn Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu P1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh P1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003497 ngày 21-10-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Anh P1 đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND Phường (xã), TPTN;
- Đương sự;
- Lầu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Thanh